

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày 17/6/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TP. CẦN THƠ**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Trần Thanh Liêm;
 2. Bà Đoàn Sơn Lâm.

*** Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thạch- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2021/TLST-DS ngày 22/3/2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

Địa chỉ: Số 108 đường T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai P; chức vụ: Nhân viên xử lý nợ Phòng Tổng hợp Chi nhánh Ngân hàng TMCP T tại thành phố Cần Thơ - Có mặt.

Địa chỉ chi nhánh: Số 09 đường P, phường T, quận N, TP. Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Lê Thành G, bà Đỗ Thị P (cùng vắng mặt, cùng yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện V, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được cũng kết quả tranh tụng tại phiên tòa, bà P đại diện cho nguyên đơn trình bày và yêu cầu giải quyết như sau: Ông Lê Thành G có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần T (viết tắt là V)- Chi nhánh tại Cần Thơ Hợp đồng tín dụng số: 16.NK.076/2016-HĐTDHM/NHCT820 ngày 09/11/2016 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng) và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: 16.NK.076/2016-HĐTDHM/NHCT820. Trên cơ sở đó, V có cho ông G vay 2.600.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 07%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Từ khi vay cho đến nay, ông G đã thanh toán cho V 2.547.292.908đ nợ gốc, còn tiền lãi phát sinh đã trả được nhiều lần. Nên hiện nay ông G còn nợ Ngân hàng 52.707.092 tiền gốc và 349.671.586đ tiền lãi phát sinh từ ngày 10/5/2017 đến ngày 17/6/2021.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nói trên, V đã ký với ông G và bà Đỗ Thị P Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 16.NK.076A/HĐTC ngày 15/11/2016 (viết tắt là Hợp đồng thế chấp bất động sản). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 288, có diện tích 4.088m² đất trồng lúa. Đất thuộc tờ bản đồ số 01, ấp Tràng Thọ 3, xã T, huyện T nay là ấp V, xã B, huyện V, TP. Cần Thơ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: “H”01694, cấp ngày 23/6/2008 cho ông Lê Thành G. Hợp đồng thế chấp này được công chứng và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V. Hợp đồng này bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh...

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V khởi kiện yêu cầu ông G và bà P liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng 52.707.092đ nợ gốc, 349.671.586đ (trong đó có 233.114.391đ lãi trong hạn và 116.557.195đ lãi quá hạn) tiền lãi phát sinh từ ngày 10/5/2017 đến ngày 17/6/2021 và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Nếu ông G bà P không trả nợ thì đề nghị Tòa án cho kê biên, phát mãi tài sản thế chấp đã được ghi nhận ở trên để thu hồi nợ cho V.

* Bị đơn Lê Thành G trình bày: Ông có ký Hợp đồng tín dụng và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng để vay 2.600.000.000đ của Ngân hàng Thương mại cổ phần T, thời hạn vay, lãi suất trong hạn và quá hạn, có ký hợp đồng thế chấp bất động sản đồng ý thế chấp quyền sử dụng thửa đất 288 của ông G và do chính ông đứng tên, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông đã trả được một phần nợ gốc và lãi, hiện nay chỉ còn nợ 52.707.092 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh như V đã trình bày ở trên là đúng. Nên ông đồng ý trả nợ gốc còn lại cho V. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông G xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi tất toán; còn tiền lãi phát sinh thì xin V xem xét miễn giảm cho ông. Nếu không trả nợ, ông đồng ý cho kê biên, phát mãi quyền sử dụng thửa đất 288, theo hợp đồng

thế chấp bất động sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bà Đỗ Thị P là vợ ông G thông nhất với lời trình bày trên của ông G. Nên qua đơn khởi kiện của Ngân hàng, bà P đồng ý cùng ông G chịu trách nhiệm trả nợ gốc còn lại cho V. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà cũng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi tất toán. Còn tiền lãi phát sinh thì xin V xem xét miễn giảm cho vợ chồng bà. Nếu không trả nợ, bà đồng ý cho kê biên, phát mãi quyền sử dụng thửa đất 288 nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông G và bà P liên đới chịu trách nhiệm trả cho V 52.707.092đ nợ gốc, 233.114.391đ lãi trong hạn và 116.557.195đ lãi quá hạn, phát sinh từ ngày 10-5-2017 đến ngày 17-6-2021 và tiền lãi phát sinh từ ngày 18-6-2021 cho đến khi trả xong nợ gốc, theo mức lãi suất nợ quá hạn của Hợp đồng tín dụng mà ông G đã ký với V. Nếu ông G và bà P không thanh toán nợ, thì V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất 288, theo hợp đồng thế chấp bất động sản mà ông G và bà P đã ký với Ngân hàng để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông G và bà P liên đới chịu trách nhiệm trả cho V tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh, cũng như xử lý tài sản thế chấp được xác định là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa. Để bảo đảm quyền được tham gia tố tụng tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập nhưng ông G và bà P đều yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên ở trên, theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được, gồm: Hợp đồng tín dụng số: 16.NK.076/2016-HĐTDHM/NHCT820 ngày 09-11-2016, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: 16.NK.076/2016-HĐTD-

HM/NHCT820, Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 16.NK.076A/HĐTC ngày 15-11-2016, giấy nhận nợ số 01 ngày 10-11-2016, giấy nhận nợ số 02 ngày 16-11-2016, giấy đề nghị vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh kiêm phương án/dự án vay- trả nợ ngày 03-11-2016, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 15-11-2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: “H”01694 ngày 23-6-2008 mà V giao nộp cho Tòa án, cũng như sự thừa nhận của ông G và bà P, thì V đã chứng minh được việc Ngân hàng có ký với ông G hợp đồng tín dụng, thời hạn vay là 12 tháng. Từ cơ sở này, V đã cho ông G vay 2.600.000.000đ. Tính đến nay đã hết thời hạn vay, ông G đã trả nợ cho V được 2.542.292.908đ nợ gốc nên hiện nay còn nợ ngân hàng 52.707.092đ, còn tiền lãi phát sinh cũng đã trả được một phần cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng mà 02 bên đã ký kết. Do đó, cần phải buộc ông G và bà P liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng 52.707.092đ nợ gốc và 349.671.586đ (trong đó có 233.114.391đ lãi trong hạn và 116.557.195đ lãi quá hạn) tiền lãi phát sinh từ ngày 10-5-2017 đến ngày 17-6-2021. Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, ông G và bà P còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn của Hợp đồng tín dụng mà ông G đã ký với Ngân hàng, là phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản thế chấp. Xét thấy, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 16.NK.076A/HĐTC ngày 15-11-2016, để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng, ông G và bà P thế chấp cho V quyền sử dụng thửa đất 288. Nếu ông G và bà P không thanh toán nợ cho Ngân hàng, thì có quyền kê biên, phát mãi để thu hồi nợ cho V. Hợp đồng này được lập thành văn bản, có nội dung và hình thức đúng với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức, được công chứng và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng đất đai huyện V là đúng với qui định của pháp luật. Thửa đất 288 nói trên thuộc tờ bản đồ số 01, ấp T3, xã T, huyện T (cũ) nay là ấp V, xã B, huyện V, TP. Cần Thơ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: “H”01694, cấp ngày 23-6-2008 cho ông Lê Thành G. Do đó, trong trường hợp ông G và bà P không trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất 288, có diện tích 4.088m² đất trồng lúa của bên thế chấp để thu hồi nợ cho V.

[5] Về án phí: Ông G và bà P phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng 402.378.678đ nên phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí thẩm định, định giá và phí đo đạc. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thẩm tra, xác minh tài sản thế chấp và chi phí cho hoạt động này hết 3.000.000đ, Ngân hàng đã tạm nộp số tiền này để chi. Xét thấy, lỗi

làm phát sinh vụ kiện là do ông G và bà P nên vợ ông bà phải chịu số tiền này để hoàn trả lại cho Ngân hàng.

[7] Xét phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng, ý kiến về giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 91, 92, 147, 157, 158, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các Điều 318 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T (V). Buộc ông Lê Thành G và bà Đỗ Thị P chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T 402.378.678đ (Bốn trăm lẻ hai triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng) (*trong đó có 52.707.092đ nợ gốc và 349.671.586đ tiền lãi phát sinh đến ngày 17-6-2021*) và khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 18-6-2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo lãi suất nợ quá hạn của Hợp đồng tín dụng số: 16.NK.076/2016-HĐTDHM/NHCT820 ngày 09-11-2016 mà ông Lê Thành G đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

Trường hợp ông Lê Thành G và bà Đỗ Thị P không thanh toán nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 288, có diện tích 4.088m² đất trồng lúa để thu hồi nợ cho ngân hàng T, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 16.NK.076A/HĐTC ngày 15-11-2016 mà ông Lê Thành G và bà Đỗ Thị P đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần T. Thửa đất 288 thuộc tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp T 3, xã T, huyện N (cũ) nay là ấp V, xã B, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: “H”01694, cấp ngày 23-6-2008 cho ông Lê Thành G.

(Tài sản thế chấp được ghi nhận trong biên bản

xem xét thẩm định tại chỗ, do Tòa án lập ngày 14/5/2021)

* Về tạm ứng án phí và án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T 9.905.000đ (*chín triệu, chín trăm lẻ năm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí. Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 016689 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.

- Ông Lê Thành G và bà Đỗ Thị P cùng phải chịu 20.095.000đ (*hai mươi triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

* *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*: Ông Lê Thành G và bà Đỗ Thị P cùng phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) và cùng phải chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cần Thơ;
- VKS Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Xuân Diệu